

2024青苗乒乓球區際錦標賽  
抽籤結果

男子A組 (BA)

1 第1組	
1	葉逸朗 TM
2	鄭匯霖 CW
3	陳梓煊 WC

2 第2組	
1	梁子康 ST
2	郭皓然 WC
3	朱朗堯 KT
4	姚信宏 TP

3 第3組	
1	陳鈺嵐 TP
2	鄭禧朗 HMT
3	張鷹辰 TW
4	梁賢智 ST

4 第4組	
1	文嘉傑 TM
2	范希諾 TP
3	倫希樂 KT
4	曾維一 HMT

5 第5組	
1	黃智榮 WC
2	呂顯穎 TW
3	梁承熙 TP
4	冼卓劭 ST

6 第6組	
1	鄧正楠 TW
2	陳文廷 TP
3	劉璋迅 WC
4	施朗逸 CW

7 第7組	
1	董緒正 HMT
2	湯曜榮 TP
3	梁柏晞 WC
4	陳昭煒 KT

8 第8組	
1	梁顯延 HMT
2	屈子力 KT
3	劉譚陽 TM
4	趙康晟 TP

9 第9組	
1	謝禮禧 CW
2	劉祉皓 KT
3	冼孝明 ST
4	范逸楠 TM

10 第10組	
1	蔡宗恒 HMT
2	陸彥光 CW
3	梁學懿 TW
4	鄧顯軒 TP

11 第11組	
1	張煒昇 HMT
2	林逸恆 ST
3	蔡德熹 WC
4	張懿樂 KT

12 第12組	
1	姚政言 TW
2	鍾旻熹 CW
3	黃凱傑 ST
4	王柏朗 TM

13 第13組	
1	區領謙 TW
2	曾仲勤 CW
3	鄭健森 TM
4	左梓廷 TP

2024青苗乒乓球區際錦標賽  
抽籤結果

男子B組 (BB)

1 第1組	
1	羅焯桐 TW
2	黃柏駱 HMT
3	譚智曦 KT
4	石文迪 TP

2 第2組	
1	耿卓 ST
2	江義尊 TP
3	李瀚林 CW
4	梁峻諾 WC

3 第3組	
1	許鉅樟 HMT
2	林逸哲 KT
3	余卓賢 TP
4	李易謙 WC

4 第4組	
1	潘承晉 KT
2	廖焯言 ST
3	劉嘉煒 CW
4	黃宇駿 TM

5 第5組	
1	關北晨 WC
2	陳焯喬 TP
3	張靖然 ST
4	黃天諾 TM

6 第6組	
1	歐朗然 TW
2	鄧卓灝 TM
3	謝禮謙 CW
4	楊正朗 KT

7 第7組	
1	林逸曦 HMT
2	李健濤 KT
3	陳正軒 TW
4	鍾汶諺 TM

8 第8組	
1	陳上正 ST
2	黃添 WC
3	杜晞維 TM
4	楊正堯 KT

9 第9組	
1	黃敬峰 CW
2	韓世庭 TW
3	余柏賢 WC
4	吳卓言 TP

10 第10組	
1	簡瑋嶠 ST
2	陳至洲 HMT
3	梁凱傑 TW
4	田尚民 TP

11 第11組	
1	王鈺皓 HMT
2	丘浚賢 WC
3	羅梓康 ST
4	黃浚希 TM

12 第12組	
1	江睿軒 TM
2	謝家軒 CW
3	陳熹霖 WC
4	黃政熙 TW

2024青苗乒乓球區際錦標賽  
抽籤結果

女子A組 (GA)

1 第1組	
1	龐雅尤 HMT
2	譚芷盈 CW
3	陳桃之 TW
4	溫敏怡 ST

2 第2組	
1	簡塏橋 HMT
2	萬庭希 TP
3	張茗涵 TW
4	朱凱滢 KT

3 第3組	
1	金子悅 WC
2	關紫琳 CW
3	劉昊恩 TP
4	何菁頌 TW

4 第4組	
1	謝依樺 CW
2	黃遵伊 WC
3	劉千羽 TW
4	張泳韜 TM

5 第5組	
1	張靖晞 ST
2	李立宜 KT
3	謝侃頤 CW
4	黃思穎 WC

6 第6組	
1	林心妍 WC
2	黃綽盈 HMT
3	邵婧雯 CW
4	林芯蕾 TM

7 第7組	
1	尹芍堯 ST
2	李欣螢 WC
3	劉祉君 TW
4	楊玥欣 TM

8 第8組	
1	呂紫喬 TM
2	許雅恩 KT
3	包杏千 TP
4	連希晨 ST

9 第9組	
1	喬心然 WC
2	屈子芷 KT
3	朱紫彤 CW
4	梁翹 TM

10 第10組	
1	伍趣柔 ST
2	蔣佩柔 HMT
3	周潔錡 TW
4	莊栢桐 KT

11 第11組	
1	嚴鎧瑤 HMT
2	郭昱彤 TM
3	譚瀟琳 KT
4	李睿祺 ST

2024青苗乒乓球區際錦標賽  
抽籤結果

女子B組 (GB)

1 第1組	
1	葉蔚蒨 WC
2	張懿德 KT
3	陸曉諭 TM
4	蔡沛恩 CW

2 第2組	
1	譚芷嫻 CW
2	林天悅 TP
3	陳明萱 HMT
4	呂宛蓊 ST

3 第3組	
1	萬芊希 TP
2	耿悅 ST
3	陳明妍 HMT
4	李盈希 CW

4 第4組	
1	林永臻 HMT
2	吳苑鈺 TP
3	鍾焯淋 TW
4	李可晴 WC

5 第5組	
1	劉珮霖 TP
2	江希兒 ST
3	周鈺涵 TM
4	劉子嘉 CW

6 第6組	
1	關洛昕 HMT
2	陳以晴 KT
3	盧心兒 TW
4	李聿喬 WC

7 第7組	
1	盧樂兒 TW
2	鄂寧楚格 TP
3	何芯悠 ST
4	岑樂思 TM

8 第8組	
1	朱芷洛 WC
2	陳祉霖 KT
3	王感恩 TW
4	歐愷昕 HMT

9 第9組	
1	張彥楠 TM
2	梁靖彤 TW
3	陳芷瑩 WC
4	郭泳霆 KT

10 第10組	
1	林君妍 WC
2	余齡 KT
3	梁曉嵐 TW
4	譚紀晴 TM

11 第11組	
1	郭盈 KT
2	陳映月 TW
3	陳沛枏 ST
4	王心怡 HMT

12 第12組	
1	黃焮瞳 WC
2	劉于僑 ST
3	梁婉桐 KT
4	余晞彤 CW

13 第13組	
1	張焯茵 TM
2	梁可遊 TW
3	尹沛琳 TP
4	曾樂妍 CW